

Bản án số: 58/2023/HS-ST
Ngày 27/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Nghi
bà Đào Thị Thanh Thơm

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2023/TLST-HS ngày 31/8/2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS, ngày 13/9/2023 đối với:

Bị cáo: họ và tên Trần Ngọc H, sinh năm 1989, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N, con bà: Phạm Thị H1 (đã chết); vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân:

+ Tại Bản án số 04/2019/HSST ngày 24/01/2019 của TAND huyện K xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đã chấp hành xong.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 90/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2017 của Công an huyện K xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Gây thương tích cho người khác”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/6/2023 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện K. Ngày 21/6/2023 điều chuyển đến tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình, “có mặt tại phiên tòa”.

Bị hại: anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình “vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh T, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn T, xã N, TP. N, tỉnh Ninh Bình “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Người làm chứng: anh T1, anh Đinh Lệnh V, anh Nguyễn Như T2 “vắng mặt”. Ông Trần Văn N “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước, chiều ngày 27/3/2023, Trần Ngọc H đến nhà anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1989; trú tại: tổ 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình hỏi thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 35A - 090.99, anh H2 đồng ý. Cả hai làm hợp đồng thuê xe với thời gian từ 15 giờ 15 phút ngày 27/3 đến 15 giờ ngày 30/03/2023 với giá 3.200.000 đồng (anh H2 có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh). Sau đó, anh H2 giao xe và giấy tờ gốc cho H, H đưa căn cước công dân của mình cho anh H2. Do không biết lái xe nên H nhờ anh T1, sinh năm 1985; trú tại: phố Đại Phong, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình điều khiển xe chở H đi. Trên đường đi, do cần tiền để tiêu xài nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của anh H2. H bảo anh T1 điều khiển xe đến gara xe ô tô “Thanh Long” của anh T, sinh năm 1974; trú tại: thôn T, xã N thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, H đã cầm cố xe ô tô cho anh T lấy số tiền 260.000.000 đồng và viết giấy bán xe cho anh T. Số tiền này, H đã tiêu xài cá nhân hết. Quá thời hạn trả xe anh H2 đã nhiều lần liên lạc với H để yêu cầu trả xe nhưng H không có khả năng thanh toán cho anh T để lấy xe trả lại cho anh H2. Ngày 14/4/2023, anh H2 đã có đơn trình báo lên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã thu giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 35A - 090.99 cùng giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện; 01 căn cước công dân mang tên Trần Ngọc H; 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và 01 giấy mua bán xe ô tô.

Bản kết luận định giá tài sản số 15/KLĐG ngày 06/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện K kết luận: *01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 35A - 090.99 có trị giá 372.667.000 đồng.*

Bản cáo trạng số 55/CT-VKS-KS ngày 30/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 02/6/2023. Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo H 01 căn cước công dân mang tên Trần Ngọc H.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Nguyễn Ngọc H2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc Trần Ngọc H phải hoàn trả số tiền còn lại 160.000.000 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, 468 và 579 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trần Ngọc H phải hoàn trả cho anh T số tiền 160.000.000 đồng.

Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi nêu trên. Bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, tội danh và điều luật áp dụng: tại phiên tòa bị cáo khai nhận do có mối quan hệ quen biết từ trước và biết anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1989; trú tại: tổ 2, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình làm nghề cho thuê xe ô tô tự lái (anh H2 có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh). Chiều ngày 27/3/2023 bị cáo đến nhà anh H2 thuê xe ô tô tự lái để đi giải quyết công việc cá nhân, hai bên thống nhất anh H2 cho bị cáo thuê xe nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 35A - 090.99, trị giá 372.667.000 đồng; thời gian thuê từ 15 giờ 15 phút ngày 27/3 đến 15 giờ ngày 30/03/2023 với giá 3.200.000 đồng. Khi thuê xe, do không biết lái xe bị cáo đã nhờ T1 nhà ở thành phố Ninh Bình là bạn của bị cáo điều khiển xe chở bị cáo đi. Trên đường đi, do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nói trên. Bị cáo bảo anh T1 điều khiển xe đến gara xe ô tô “Thanh Long” của anh T; trú tại thôn T, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, bị cáo đã cầm cố xe ô tô cho anh T dưới hình thức viết giấy mua bán ô tô, với số tiền 260.000.000 đồng, sau đó đã tiêu sài cá nhân hết, dẫn đến việc không có khả năng chuộc trả lại xe ô tô cho anh H2. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ, đã có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu thực hiện hành vi thuê tài sản là chiếc ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra trị giá 372.667.000 đồng rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân, mặc dù bị cáo biết rõ khi đó không có khả năng thanh toán tiền cầm cố để chuộc lại xe ô tô trả cho chủ sở hữu H2 vẫn cố ý thực hiện, thể hiện rõ mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trần Ngọc H phạm tội “Lạm dụng tín

nhệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

“Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nH2 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nH2 cố tình không trả;

.....

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, lịch sử bản thân bị cáo đã từng bị kết án tù về tội gây rối trật tự công cộng và đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây thương tích cho người khác.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi đối chiếu về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội của bị cáo, thì hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo là người đang trong độ tuổi lao động, đã từng nhiều lần vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân. Chỉ vì ham chơi muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà không phải lao động bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội, điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật bằng hình thức cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Ngọc H2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu hay đề nghị gì, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh T về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo phải trả cho anh số tiền 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy bị cáo H cầm cố chiếc xe nói trên cho anh T dưới hình thức mua bán ô tô để lấy số tiền 260.000.000 đồng. Ngày 30/5/2023 bị cáo đã hoàn trả được cho anh T 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 160.000.000 đồng bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Khi nhận cầm cố anh T không biết tài sản do phạm tội mà có, chiếc xe đã bị thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Do vậy, yêu cầu của anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 579 Bộ luật Dân sự, nên cần được chấp nhận.

[4] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 35A - 090.99 cùng toàn bộ giấy tờ kèm theo là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc H2. Anh H2 có đơn xin nhận lại tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã trả lại cho anh H2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái và 01 giấy mua bán xe ô tô là tài liệu thu thập trong quá trình điều tra phục vụ việc giải quyết vụ án, nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Trần Ngọc H, đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, anh T1 được bị cáo nhờ lái xe chở bị cáo đi nhưng anh T1 không biết ý định chiếm đoạt tài sản của bị cáo, không bàn bạc, thống nhất với bị cáo để chiếm đoạt tài sản và không được hưởng lợi từ hành vi này, nên T1 không đồng phạm với bị cáo trong vụ án.

Đối với anh T, không biết xe ô tô do bị cáo thuê mà có, nhầm tưởng đó là tài sản của bị cáo, nên đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe nói trên với số tiền 260.000.000 đồng, không vi phạm các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T cũng phải rút kinh nghiệm trong việc giao dịch đối với các tài sản có đăng ký quyền sở hữu.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu (160.000.000 đồng x 5%) 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 357, Điều 468 và Điều 579 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần Ngọc H phạm tội **“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”**.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H **07** (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc H phải hoàn trả cho anh T số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Trần Ngọc H.

(Chi tiết như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

4. Án phí: buộc bị cáo Trần Ngọc H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện K;
- THADS huyện K;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng